

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/DS-ST

Ngày: 24 - 02- 2025

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thị Cẩm Bình

Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cơ sở lúa giống S

Chủ cơ sở: Ông Cao Văn H, sinh năm 1954

Địa chỉ: Ấp XM, xã TH, huyện GR, tỉnh KG

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành Ng, sinh năm 1954; địa chỉ: KP, thị trấn GR, huyện GR, tỉnh KG

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1967;

- Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp CR, xã TB, huyện GR, tỉnh KG

(Ông H, bà G vắng mặt; ông Ng, ông D có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Nguyễn Thành Ng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Cao Văn H có cơ sở lúa giống, vợ chồng ông D, bà G liên hệ để mua lúa giống nhiều lần. Trong các lần mua có lần trả đủ tiền, có lần trả một phần thiếu lại một phần và việc mua bán lập đi lập lại nhiều lần. Đến ngày 30/12/2021, giữa ông H và vợ chồng ông D có chốt nợ vợ chồng ông D còn nợ tổng cộng là 464.730.000 đồng và viết cam kết đến ngày 15/01/2022 sẽ trả đủ số tiền này. Khi đến hạn trả nợ ông D bà G trả được 150.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông D bà G phải trả số tiền còn nợ là 314.730.000 đồng và lãi suất tạm

tính đến ngày khởi kiện là 42.488.550 đồng. Sau khi khởi kiện giữa ông H và D đã đối chiếu nợ thì vợ chồng ông D bà G còn nợ lại 216.440.000 đồng. Nay ông rút lại một phần khởi kiện chỉ yêu cầu ông D, bà G trả số tiền 216.440.000 đồng. Rút lại một phần yêu cầu số tiền gốc so ban đầu và không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn Nguyễn Văn D trình bày: Ông D thống nhất sau khi ông và ông H đối chiếu nợ vợ chồng ông còn nợ ông H số tiền lúa giống là 216.440.000 đồng. Nay ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền này ông đồng ý, nhưng nông dân mua lúa lại của ông còn nợ ông đã khởi kiện tại huyện U Minh Thượng nên chờ khi nào cơ quan Thi hành án huyện U Minh Thượng thi hành nợ được ông sẽ trả cho ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực H đúng quy định của pháp luật và tại phiên toà Hội đồng xét xử thực H đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đã vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông D, bà G có trách nhiệm trả số tiền mua lúa giống là 216.440.000 đồng, do các bên đã chốt nợ với nhau.

Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đã rút.

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cơ sở lúa giống S yêu cầu ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị G phải trả số tiền mua lúa giống còn nợ. Hội đồng xét xử xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị G có nơi cư trú tại Ấp CR, xã TB, huyện GR, tỉnh KG Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nguyên đơn khởi kiện tại

Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng là phù hợp với quy định. Xét bị đơn bà Nguyễn Thị G có đơn xin vắng mặt căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà G.

[3] Về nội dung: Ông Cao Văn H chủ cơ sở lúa giống yêu cầu ông D, bà G phải trả số tiền mua lúa giống còn nợ là 216.440.000 đồng. Ông D bị đơn thống nhất còn nợ số tiền mua lúa giống như nguyên đơn trình bày là đúng. Các bên đã thống nhất với nhau về số tiền mua lúa giống còn nợ nhưng không thống nhất cách trả. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông D bà G thống nhất còn nợ số tiền 216.440.000 đồng đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh, được quy định tại Điều 92 của bộ luật tố tụng dân sự. Do đã được thừa nhận nên việc ông H yêu cầu vợ chồng ông D trả số tiền này là có căn cứ. Xét ý kiến ông D đề nghị khi nào ông thu hồi được nợ ông sẽ trả cho H, nhưng việc này không được ông H chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. Theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Nghĩa vụ trả tiền: Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”*. Ông D đã thừa nhận có mua lúa giống và ông H đã giao đủ, H tại còn nợ lại số tiền 216.440.000 đồng, nên vợ chồng ông D phải có trách nhiệm trả tiền lúa giống đã mua cho ông H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận buộc ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị G phải trả cho ông H số tiền nợ mua lúa giống là 216.440.000 đồng (Hai trăm mười sáu triệu bốn trăm bốn chục nghìn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[4] Về án phí:

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.930.463 đồng (Tám triệu chín trăm ba mươi nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng), do Cao Văn H nộp theo biên lai thu tiền số 0002919 ngày 11/6/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 216.440.000 đồng x 5% = 10.822.000 đồng (Mười triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 269; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 430; Điều 431; Điều 433; Điều 436; Điều 440 của Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; **Xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cơ sở lúa giống S do ông Cao Văn H làm chủ. Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị G phải trả số tiền mua lúa giống còn nợ là 216.440.000 đồng (Hai trăm mười sáu triệu bốn trăm bốn chục nghìn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Trả lại tiền tạm ứng phí cho Cơ sở sản xuất lúa giống đã nộp là 8.930.463 đồng (Tám triệu chín trăm ba mươi nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng), do Cao Văn H nộp theo biên lai thu tiền số 0002919 ngày 11/6/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 10.822.000 đồng (Mười triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Ng và bị đơn ông Nguyễn Văn D có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị G vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực H theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

